

H ư T : H ư ph ư : 1310142004-801 - Ch ư L ư N ư - M ư ng H ư k8 : HK01

STT	Mã S´	L, P SV	H´ Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHẫN										TBC TP	QUY TS 50%	η IqM THI	QUY TS 50%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3541010332	35C3	Nguy, n Vln B,	19/06/1993	6.0	7.0	7.0								6.7	3.4	7.0	3.5	6.8	
2	3440000006	35C3	Lê Quang CỊnh	05/10/1993	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	3541010500	35C1	S8 C´ c Cóng	09/04/1991	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
4	3541010191	35C1	Trợng Thanh Hi/ủ Công	19/07/1993	6.0	5.0	7.0								6.0	3.0	7.0	3.5	6.5	
5	3541010305	35C3	Nguy, n Mai VỈ ậ Ủ	13/09/1993	7.0	6.0	7.0								6.7	3.4	5.0	2.5	5.8	
6	3541010401	35C1	Lê Anh ậ. c	05/07/1991	6.0	7.0	5.0								6.0	3.0	0.0	0.0	3.0	
7	3541010388	35C2	Nguy, n ậ ³nh Giang	12/08/1993	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N´ HP
8	3541010125	35C1	Gợ Ng´ c Hoàng	16/08/1992	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N´ HP
9	3541010131	35C2	Võ Thanh Hùng	05/03/1992	6.0	7.0	7.0								6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
10	3541010306	35C3	Nguy, n Nam H-ợng	15/07/1992	6.0	7.0	5.0								6.0	3.0	4.0	2.0	5.0	
11	3541010164	35C2	Nguy, n Ho´ ng Kiên	01/06/1993	7.0	6.0	8.0								7.0	3.5	7.0	3.5	7.0	
12	3541010640	35C3	Nguy, n Vln L, c	28/06/1992	7.0	6.0	7.0								6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
13	3541010086	35C1	Nguy, n Trỉ ng L-ợng	25/11/1993	7.0	8.0	6.0								7.0	3.5	7.0	3.5	7.0	
14	3541010027	35RC1	Nguy, n H, u Lý	06/10/1990	6.0	5.0	7.0								6.0	3.0	0.0	0.0	3.0	
15	3541010200	35C2	L-ợ Trung Nghợ	19/10/1992	7.0	6.0	8.0								7.0	3.5	9.0	4.5	8.0	
16	3541010165	35C2	Nguy, n CỊnh Ng´ c	03/12/1990	6.0	5.0	7.0								6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
17	3541010052	35C1	Hu8nh C¹ ng Nguyên	14/07/1993	7.0	6.0	7.0								6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
18	3541010070	35C1	Lý Thành Nhi/ủ	02/06/1987	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
19	3541010445	35C4	PhỄm Vln Duy Ph-ợng	00/00/1992	6.0	5.0	7.0								6.0	3.0	7.0	3.5	6.5	
20	3541010377	35C3	Trợnh Nh-ợ Ph-ợ c	30/12/1990	7.0	8.0	6.0								7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	

BẢNG ĐIỂM HỌC PHÊ - MÔN THIÊN VĂN HỌC

Khóa học : **Lớp học :** 35C3 **Năm học :** 2013-2014 **ĐVT :** 5
(75,0,0,0,0,0)

Họ tên : **Học phần :** 1310142004-801 - Cơ học Lượng tử - Môn **Học kỳ :** HK01

STT	Mã S	L. P. SV	H. Vê T. N	NGÀY SINH	ĐIỂM THIÊN VĂN HỌC										TBC TP	QUY TS 50%	ĐIỂM THI	QUY TS 50%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3541010468	35C4	Nguyễn Văn Sang	27/01/1992	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HP
22	3541010201	35C2	Trần Ngọc Sanh	25/03/1992	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HP
23	3440000058	35C3	Trần Văn Sơn	20/03/1992	6.0	7.0	5.0								6.0	3.0	7.0	3.5	6.5	
24	3541010099	35C1	Nguyễn Thị Nhung	10/03/1993	7.0	6.0	5.0								6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
25	3541010105	35C1	Trần Văn Tuấn	10/03/1992	5.0	7.0	6.0								6.0	3.0	7.0	3.5	6.5	
26	3541010149	35C2	Bùi Ngọc Tuấn	17/09/1993	6.0	5.0	7.0								6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
27	3541010233	35C2	Hoàng Bá Tuấn	17/12/1993	5.0	6.0	5.0								5.3	2.7	2.0	1.0	3.7	
28	3541010126	35C1	Lê Quốc Thái	12/10/1993	6.0	7.0	5.0								6.0	3.0	7.0	3.5	6.5	
29	3541010115	35C1	Nguyễn Quốc Thái	14/07/1993	6.0	5.0	7.0								6.0	3.0	9.0	4.5	7.5	
30	3541010351	35C3	Nguyễn Cửu Thiện	09/06/1993	5.0	6.0	5.0								5.3	2.7	0.0	0.0	2.7	Nº HP
31	3545010007	35C1	Từ Công Thiện	05/09/1993	8.0	7.0	8.0								7.7	3.9	8.0	4.0	7.8	
32	3541010003	35C1	Lê Văn Trọng	30/08/1992	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HP
33	3541010235	35C2	Nguyễn Công Võ	08/07/1993	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HP
34	3440000083	35C4	Nguyễn Huy Vĩnh	01/08/1989	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
35	3541010443	35C3	Nguyễn Thanh Vĩnh	01/04/1991	6.0	7.0	6.0								6.3	3.2	6.0	3.0	6.2	
36	3541010257	35C2	Phạm Văn Vĩnh	08/05/1992	5.0	4.0	6.0								5.0	2.5	0.0	0.0	2.5	
37	3641010183	36C2	Trần Trọng Vĩnh	11/12/1994	0.0	0.0	0.0								0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

Tổng số : 37 học sinh sinh viên

Tp.HCM, ngày / /

Trưởng Khoa

Giáo Viên B. Môn

Giáo Viên Khoa